



xíng hái

形骸

noun · the human body; physical form

Example Sentence

Tā suī rán nián lǎo dàn xíng hái yī rán jiàn zhuàng

他虽然年老，但形骸依然健壮。

Although he is old, his body is still strong.

Trace each character, then write the word on your own.

形	形	形	形	形	形	形	形	形	形	
骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸
骸	骸	骸	骸	骸	骸	骸				